

Số: 262/2021/CV-CII

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Mã chứng khoán: CII

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-36221025

Fax: 028-36367100

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quốc Bình – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 03A Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-36221025

Fax: 028-36367100

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin về Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát, Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị (tài liệu đính kèm) đã được thông qua tại Nghị Quyết số 46/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 23/04/2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14/05/2021 tại đường dẫn:

<http://cii.com.vn> – Mục Quan hệ cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021



MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Các định nghĩa.....	1
II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	2
Điều 4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	4
Điều 5. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	5
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiên hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	6
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	7
Điều 8. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	7
Điều 9. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	9
Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	10
Điều 11. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	10
Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử.....	11
III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	11
Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	13
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	14
Điều 16. Đề cử và ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	14
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	14
Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	14
Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	15
Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	15
Điều 21. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.....	15
Điều 22. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị.....	16
Điều 23. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.....	20
IV. BAN KIỂM SOÁT	21
Điều 24. Ứng cử, đề cử và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát.....	21
Điều 25. Tư cách thành viên Ban Kiểm Soát.....	21
Điều 26. Thành phần Ban Kiểm Soát.....	21
Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát.....	22
Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát.....	23
Điều 29. Công bố thông tin.....	24
V. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	24
Điều 30. Tổng Giám Đốc.....	24
Điều 31. Người Quản Lý khác.....	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty.....	26
VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	27
Điều 33. Mối quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát.....	27
Điều 34. Mối quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Điều Hành.....	28

Điều 35. Mọi quan hệ làm việc giữa Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành ..	28
Điều 36. Mọi quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm Soát với Ban Điều Hành	29
Điều 37. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Tổng Giám Đốc	29
Điều 38. Triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị của Tổng Giám Đốc	30
Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.....	30
VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT.....	30
Điều 40. Khen thưởng – Kỷ luật.....	30
VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	31
Điều 41. Hiệu lực của Quy Chế Quản Trị.....	31
Điều 42. Tổ chức thực hiện.....	31

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy Chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công Ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành và Người Quản Lý khác của Công Ty.

Điều 2. Các định nghĩa

2.1 Trong Quy Chế Quản Trị này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- (a) “**Ban Điều Hành**” bao gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các giám đốc bộ phận của Công Ty. Thành viên Ban Điều Hành có thể thay đổi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- (b) “**Ban Kiểm Soát**” là ban kiểm soát của Công Ty.
- (c) “**Cổ Đông**” là bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công Ty.
- (d) “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.
- (e) “**Đại Diện Theo Ủy Quyền**” là người được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.
- (f) “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” là đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
- (g) “**Điều Lệ**” là bản điều lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021, và các văn bản sửa đổi và bổ sung (nếu có).
- (h) “**Hội Đồng Quản Trị**” là hội đồng quản trị của Công Ty.
- (i) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (j) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (k) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.23 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán.
- (l) “**Người Được Ủy Quyền Dự Họp**” là cá nhân hoặc tổ chức được Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các hình thức được quy định tại Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.

- (m) “**Người Quản Lý**” là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các giám đốc của các bộ phận, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
 - (n) “**Quy Chế Quản Trị**” là quy chế nội bộ về quản trị công ty này.
 - (o) “**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - (p) “**Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị**” là thành viên Hội Đồng Quản Trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do pháp luật quy định.
 - (q) “**Tổng Giám Đốc**” là tổng giám đốc của Công Ty.
 - (r) “**Việt Nam**” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 2.2 Trong Quy Chế Quản Trị này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
- 2.3 Các tiêu đề (chương, điều của Quy Chế Quản Trị này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy Chế Quản Trị này.
- 2.4 “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công Ty.
- 3.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - (b) Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công Ty;
 - (c) Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị;
 - (d) Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - (e) Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - (f) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - (g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;

- (h) Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều Lệ;
- (i) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- (j) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công Ty;
- (k) Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- (l) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và/hoặc các Cổ Đông;
- (m) Quyết định đầu tư, bán hoặc mua tài sản của Công Ty và/hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- (n) Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (o) Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
- (p) Công Ty hoặc các chi nhánh của Công Ty:
 - (i) ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - (ii) ký kết hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản với Cổ Đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó với giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- (q) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị và quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát; và
- (r) Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Điều Lệ, các quy chế của Công Ty và quy định của pháp luật.

Điều 4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 4.1 Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.3 của Điều Lệ.
- 4.2 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (e) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
 - (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định; và
 - (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 4.3 Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên website của Công Ty. Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận.
- 4.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 4.5 Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 4.4 thì chậm nhất là 2 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 4.4;
 - (b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty;
 - (c) Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- 4.6 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại Điều 4.4 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 4.5; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 5. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 5.1 Các Cổ Đông và các Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 5.3. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- 5.2 Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký quy định sau đây:
- (a) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
 - (b) Trường hợp Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
 - (c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (bản gốc hoặc bản sao hợp lệ) của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

- 5.3 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc tham gia cuộc họp và thực hiện biểu quyết từ xa;
 - (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

6.1 Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- (b) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải mang theo giấy tờ được quy định tại giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông báo của Công Ty để xác nhận tư cách Cổ Đông.
- (c) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

6.2 Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.
- (b) Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 6.2(a) trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- (c) Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 6.2(b) trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được triệu tập lại lần thứ ba trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

7.1 Cách thức bỏ phiếu:

- (a) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đó.
- (b) Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát vào phiếu biểu quyết.

7.2 Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu:

- (a) Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- (b) Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất.

7.3 Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Việc thông qua các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Điều Lệ. Chủ tọa cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông công bố nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 8.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 8.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết định và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 8.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa

chi trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của Cổ Đông là tổ chức; hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; và số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;

- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

8.4 Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- (a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- (b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; và
- (c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

8.5 Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- (c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 8.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công Ty.
- 8.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 8.8 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 8.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 9. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 9.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
 - (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - (i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản họp này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 9.2 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 9.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 9.4 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 9.5 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc.
- 9.6 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

- 10.1 Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Điều 17.7 của Điều Lệ; hoặc
- 10.2 Nội dung nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ.

Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Biên bản họp (hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử

- 12.1 Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bộ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội Đồng Quản Trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức họp trực tiếp.
- 12.2 Trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức như được quy định tại Điều 12.1, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công Ty về quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
- (a) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức như được quy định tại Điều 12.1;
 - (b) Quy định cách thức bộ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để Cổ Đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Quy định về cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu; và
 - (d) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức như được quy định tại Điều 12.1.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 13.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 13.2 Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám Đốc và quyết định lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc; bổ nhiệm và bãi nhiệm các Người Quản Lý khác của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định

mức lương và lợi ích khác của họ;

- (e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (f) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
- (g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; quyết định việc phát hành, giá bán các loại trái phiếu và công cụ tài chính khác;
- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công Ty;
- (j) Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức;
- (k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công Ty.
- (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;
- (m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (n) Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (o) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
- (p) Thành lập các công ty con của Công Ty;
- (q) Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 14.2(o) của Điều Lệ phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
- (r) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty (các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất

của Công Ty sẽ được quyết định phù hợp với quy chế tài chính của Công Ty). Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 14.2(l) và Điều 14.2(o) của Điều Lệ;

- (s) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% (năm phần trăm) Vốn Điều Lệ tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
- (t) Việc mua hoặc bán cổ phần hoặc phần vốn góp thuộc sở hữu của Công Ty tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (u) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- (v) Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;
- (w) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
- (x) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và
- (y) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và các nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

13.3 Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết. Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua một nghị quyết đề ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thay mặt Hội Đồng Quản Trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 13.2.

Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 14.1 Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người.
- 14.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 5 (năm) năm; và thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không quá hai nhiệm kỳ liên tục). Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành và có đủ số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị

15.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp; và
- (b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công Ty.

15.2 Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Đề cử và ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị

16.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 1 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

16.2 Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị theo mẫu của Công Ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công Ty; bản sao giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công Ty và pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được gửi cho Công Ty theo thông báo liên quan.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

18.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;

- (b) Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
- (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- (d) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
- (e) Thành viên đó bị cách chức, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

18.2 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

- (a) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật. Trong các trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật; hoặc
- (b) Trừ các trường hợp quy định tại Điều 18.2(a), Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 20.1 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 20.2 Hội Đồng Quản Trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trên website của Công Ty theo quy định của pháp luật và phụ thuộc vào thông tin của ứng cử viên đã có sẵn hay chưa.

Điều 21. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 21.1 Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra

một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.

21.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (f) Thực hiện theo ủy quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị như nêu tại Điều 13.2; và
- (g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

21.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

21.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 22. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

22.1 Họp bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

22.2 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

22.3 Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- (a) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 (năm) Người Quản Lý khác;
- (b) Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Ban Kiểm Soát; hoặc
- (e) Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị.

Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

22.4 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 22.3 phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại Điều 22.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

22.5 Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

22.6 Thông báo và chương trình họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm Soát như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

22.7 Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên

Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp.

22.8 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều Lệ;
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác; hoặc
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

22.9 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (a) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- (b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Quy Chế Quản Trị này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

22.10 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

22.11 Biểu quyết:

- (a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 22.11(b), mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó nếu thành viên đó có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng hoặc giao dịch đó. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- (c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- (d) Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: Trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác, Hội Đồng Quản Trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là lá phiếu quyết định.

22.12 Hợp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- (a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- (b) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến; (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (iii) thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị được lấy ý kiến.
- (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tổ chức việc kiểm phiếu.
- (d) Khi lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- (e) Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

22.13 Những người được mời họp dự thỉnh. Tổng Giám Đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền theo quy định của Điều Lệ.

Điều 23. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

- 23.1 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Thời gian, địa điểm họp;
 - (c) Chương trình và nội dung họp;
 - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - (g) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại Điều 23.2.
- 23.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) của Điều 23.1 thì biên bản họp này có hiệu lực. Trong trường hợp này, biên bản họp có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản họp có chữ ký của ít nhất một thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp.
- 23.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và/hoặc những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- 23.4 Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

- 23.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ứng cử, đề cử và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

- 24.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Điều 36.4 của Điều Lệ.
- 24.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm Soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát.

Điều 25. Tư cách thành viên Ban Kiểm Soát

Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 25.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- 25.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- 25.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác;
- 25.4 Không phải là Người Quản Lý; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác;
- 25.5 Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- 25.6 Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 3 (ba) năm liền trước đó; và
- 25.7 Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 26. Thành phần Ban Kiểm Soát

- 26.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát phải có từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên.
- 26.2 Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá 5 (năm) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm Soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm Soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

- 26.3 Ban Kiểm Soát phải bầu một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát

- 27.1 Công Ty phải có Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- (a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - (b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - (c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;
 - (d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - (f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều Hành;
 - (g) Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;
 - (h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Điều Hành; và
 - (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- 27.2 Thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Người phụ trách quản trị Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và bản sao các biên bản họp Hội Đồng Quản Trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị.
- 27.3 Ban Kiểm Soát sẽ xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
- 27.4 Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

- 27.5 Quyết định của Ban Kiểm Soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm Soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm Soát hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm Soát vắng mặt).
- 27.6 Trường hợp Ban Kiểm Soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm Soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm Soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
- 27.7 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm Soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

- 28.1 Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Kiểm Soát;
 - (b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
 - (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - (d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (e) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (f) Thành viên đó vi phạm nhiều lần hoặc một cách nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; hoặc
 - (g) Thành viên đó bị cách chức, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 28.2 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát trong trường hợp sau đây:
- (a) Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trong các trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc

- (b) Trừ các trường hợp quy định tại Điều 28.2(a), Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Kiểm Soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 29. Công bố thông tin

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm Soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Điều 30. Tổng Giám Đốc

- 30.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc.
- 30.2 Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 5 (năm) năm, trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quyết định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- 30.3 Tổng Giám Đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - (c) Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội Đồng Quản Trị đề xuất, và tư vấn để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người Quản Lý;
 - (d) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - (e) Trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 (năm) năm;
 - (f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị thông qua;

- (g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
 - (h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
 - (i) Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại công ty khác; và
 - (j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông/Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và quy định của pháp luật.
- 30.4 Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám Đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội Đồng Quản Trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám Đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế. Tổng Giám Đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại Hội Đồng Cổ Đông tiếp theo gần nhất.
- 30.5 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.

Điều 31. Người Quản Lý khác

- 31.1 Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được sử dụng số lượng và người quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người Quản Lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 31.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những Người Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.
- 31.3 Tiêu chuẩn tuyển chọn Người Quản Lý:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và quy định pháp luật liên quan;
 - (c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong việc điều hành doanh nghiệp và lĩnh vực chuyên môn liên quan đến chức vụ được bổ nhiệm;
 - (d) Đối với các chức danh chuyên môn theo quy định của pháp luật cần có chứng chỉ hành nghề thì phải đáp ứng điều kiện;

- (e) Các yêu cầu khác theo đề xuất của Tổng Giám Đốc và quy định pháp luật có liên quan.

31.4 Cán bộ quản lý bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- (a) Có đơn xin từ chức/từ nhiệm gửi đến Công Ty;
- (b) Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 31.3;
- (c) Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công Ty;
- (d) Hết nhiệm kỳ và không có quyết định tái bổ nhiệm (đối với các trường hợp các chức danh bổ nhiệm có nhiệm kỳ); hoặc
- (e) Cán bộ quản lý có thể bị thôi nhiệm bất kỳ khi nào bằng một nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty

32.1 Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công Ty.

32.2 Người phụ trách quản trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Có hiểu biết về pháp luật;
- (b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty; và
- (c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

32.3 Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị Công Ty tùy từng thời điểm.

32.4 Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
- (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (d) Tham dự các cuộc họp;

- (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Điều 33. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát

- 33.1 Mọi quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công Ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công Ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công Ty, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 33.2 Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.
- 33.3 Quan hệ phối hợp:
- (a) Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, trong quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo Ban Kiểm Soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội Đồng Quản Trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội Đồng Quản Trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;
 - (b) Ban Kiểm soát tư vấn cho Hội Đồng Quản Trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công Ty, kiến nghị Hội Đồng Quản Trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.
- 33.4 Quan hệ kiểm soát - giám sát:
- (a) Ban Kiểm Soát thay mặt Đại Hội Đồng Cổ Đông giám sát Hội Đồng Quản Trị trong quản lý và điều hành Công Ty. Ban Kiểm Soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công Ty và Cổ Đông;
 - (b) Ban Kiểm Soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội Đồng Quản Trị theo pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; thẩm tra

hiệu quả quản lý của Hội Đồng Quản Trị;

- (c) Ban Kiểm Soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội Đồng Quản Trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội Đồng Quản Trị nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ Đông;
- (d) Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- (f) Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội Đồng Quản Trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 34. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Điều Hành

- 34.1 Theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, Hội Đồng Quản Trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách và Ban Điều Hành thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện các quyết định được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
- 34.2 Ban Điều Hành phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai các dự án của Công Ty để trình Hội Đồng Quản Trị.
- 34.3 Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Ban Điều Hành báo cáo Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị điều chỉnh phù hợp.
- 34.4 Hằng quý, sáu tháng, và hằng năm, Ban Điều Hành gửi báo cáo về tình hình hoạt động của Công Ty cho Hội Đồng Quản Trị, kiến nghị những vấn đề cần được Hội Đồng Quản Trị giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới.
- 34.5 Ban Điều Hành có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội Đồng Quản Trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công Ty.
- 34.6 Hội Đồng Quản Trị thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 35. Mọi quan hệ làm việc giữa Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành

- 35.1 Trong phạm vi quyền hạn của mình, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc ủy quyền cho các thành viên Ban Điều Hành theo từng vụ việc hoặc nhiệm vụ đã được phân cấp.

- 35.2 Ban Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện các công việc đã được giao trong phạm vi ủy quyền.
- 35.3 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cổ Đông về các công việc đã ủy quyền.
- 35.4 Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm Ban Điều Hành, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể chỉ đạo trực tiếp hoặc chỉ đạo qua Ban Điều Hành để giải quyết vấn đề kịp thời.

Điều 36. Mọi quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm Soát với Ban Điều Hành

- 36.1 Quan hệ phối hợp: Ban Điều Hành chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành để Ban Kiểm Soát xem xét và đưa ra các kiến nghị (nếu có).
- 36.2 Ban Kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Điều Hành hoặc yêu cầu Ban Điều Hành triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban Kiểm Soát nhận thấy đã vi phạm quy định của pháp luật, Điều Lệ hoặc các quy chế của Công Ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công Ty và Cổ Đông.
- 36.3 Ban Điều Hành chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng nhiệm vụ.
- 36.4 Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Ban Điều Hành cung cấp các thông tin liên quan đến việc thực hiện các dự án và hoạt động của Công Ty để phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát.
- 36.5 Ban Kiểm Soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Điều Hành và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Điều Hành.
- 36.6 Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động của Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát thông báo bằng văn bản cho Ban Điều Hành để yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

Điều 37. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Tổng Giám Đốc

- 37.1 Hội Đồng Quản Trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách và Tổng Giám Đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện các quyết định được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
- 37.2 Tổng Giám Đốc phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai các dự án của Công Ty để trình Hội Đồng Quản Trị.
- 37.3 Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp, Tổng Giám Đốc báo cáo Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị điều chỉnh phù hợp.
- 37.4 Tổng Giám Đốc có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội Đồng Quản Trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản

Trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương, chính sách của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công Ty.

37.5 Hội Đồng Quản Trị thiết lập cơ chế nhằm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 38. Triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị của Tổng Giám Đốc

38.1 Tổng Giám Đốc có quyền đề nghị triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:

- (a) Xử lý các tình huống khẩn cấp mà vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; hoặc
- (b) Các trường hợp khác mà Tổng Giám Đốc thấy cần thiết.

38.2 Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc

39.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp có Tổng Giám Đốc tham gia.

39.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm phản hồi các vấn đề cần xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản theo quy định tại Điều Lệ trong thời hạn được quy định tại thư lấy ý kiến liên quan, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định một thời hạn trả lời khác.

CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 40. Khen thưởng – Kỷ luật

40.1 Khen thưởng:

Hằng năm, Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quỹ thưởng cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành, các cán bộ quản lý thuộc diện quản lý của Hội Đồng Quản Trị và cho cán bộ quản lý và nhân viên theo quy định của Công Ty.

40.2 Kỷ luật:

- (a) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;
- (b) Hình thức kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành và cán bộ quản lý khác được thực hiện theo quy định của Công Ty và pháp luật lao động.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực của Quy Chế Quản Trị

Quy Chế Quản Trị này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và thay thế (các) quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty được ban hành trước đây.

Điều 42. Tổ chức thực hiện

Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy Chế Quản Trị này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng

LÊ VŨ HOÀNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Các định nghĩa	1
Điều 3.	Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	2
CHƯƠNG II.	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 4.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị	2
Điều 5.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị	3
Điều 6.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	3
Điều 7.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị	3
Điều 8.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	4
Điều 9.	Đề cử và ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	4
Điều 10.	Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị	5
Điều 11.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	5
Điều 12.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	6
CHƯƠNG III.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 13.	Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị	6
Điều 14.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan	8
Điều 15.	Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường.....	8
Điều 16.	Các tiểu ban giúp việc Hội Đồng Quản Trị	9
CHƯƠNG IV.	CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 17.	Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị	10
Điều 18.	Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.....	12
CHƯƠNG V.	BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 19.	Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 20.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị	14
Điều 21.	Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG VI.	MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 22.	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	15
Điều 23.	Mối quan hệ với Ban điều hành.....	15
Điều 24.	Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát	15
CHƯƠNG VII.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 25.	Hiệu lực thi hành.....	15
Điều 26.	Tổ chức thực hiện	15

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 1.2 Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 2. Các định nghĩa

2.1 Trong Quy Chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- (a) “**Ban Kiểm Soát**” là ban kiểm soát của Công Ty.
- (b) “**Cổ Đông**” là bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công Ty.
- (c) “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.
- (d) “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” là đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
- (e) “**Điều Lệ**” là bản điều lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021, và các văn bản sửa đổi và bổ sung (nếu có).
- (f) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (g) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (h) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán và Điều 4.23 của Luật Doanh Nghiệp.
- (i) “**Người Quản Lý**” là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các giám đốc của các bộ phận, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
- (j) “**Quy Chế**” là quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị này.
- (k) “**Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị**” là thành viên Hội Đồng Quản Trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do pháp luật quy định.
- (l) “**Việt Nam**” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- 2.2 Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
- 2.3 Các tiêu đề (chương, điều của Quy Chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy Chế này.
- 2.4 “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

- 3.1 Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 3.2 Hội Đồng Quản Trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám Đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 4.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các phòng ban trong Công Ty.
- 4.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:
 - (a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công Ty;
 - (b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - (c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết của Công Ty;
 - (d) Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3 Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 5.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty, và Người Quản Lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các phòng ban trong Công Ty.
- 5.2 Những người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 6.1 Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 6.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; và thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không quá hai nhiệm kỳ liên tục). Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành và có đủ số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
- 6.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 7.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - (b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty;
 - (c) Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị của công ty khác.
- 7.2 Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan.
- 7.3 Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

Điều 8. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 8.1 Hội Đồng Quản Trị bầu một trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Theo đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 8.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (f) Đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên;
 - (g) Thực hiện theo uỷ quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị như nêu tại Điều 13.2 của Quy Chế này; và
 - (h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 8.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 8.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 9. Đề cử và ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 9.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 1 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ

70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- 9.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy Chế này. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 9.3 Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị theo mẫu của Công Ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công Ty; bản sao CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công Ty và pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được gửi cho Công Ty theo thông báo liên quan.

Điều 10. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 11.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty và được chấp thuận;
 - (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - (d) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - (e) Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 11.2 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

13.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

13.2 Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;
- (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám Đốc và quyết định lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc; bổ nhiệm và bãi nhiệm các Người Quản Lý khác của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;
- (e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (f) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
- (g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; quyết định việc phát hành, giá bán các loại trái phiếu và công cụ tài chính khác;
- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công Ty;
- (j) Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức;
- (k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công Ty;
- (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

- (m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (n) Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (o) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
- (p) Thành lập các công ty con của Công Ty;
- (q) Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 14.2(o) của Điều Lệ phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh));
- (r) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty (các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty sẽ được quyết định phù hợp với quy chế tài chính của Công Ty). Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 14.2(l) và Điều 14.2(o) của Điều Lệ;
- (s) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
- (t) Việc mua hoặc bán cổ phần hoặc phần vốn góp thuộc sở hữu của Công Ty tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (u) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- (v) Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;
- (w) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
- (x) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- (y) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và các nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

- 13.3 Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết. Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua một nghị quyết để ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thay mặt Hội Đồng Quản Trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 13.2 của Quy Chế này.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan

- 14.1 Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan sau đây:

- (a) Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;
- (c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
- (d) Doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

- 14.2 Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

- (a) Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 của Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
- (b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở xuống tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- 15.1 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

- (b) Khi số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật;
- (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị;
- (d) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Quản Lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 164 và Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

15.2 Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ Đông bất thường:

Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điều 15.1(c) hoặc (d) của Quy Chế này.

15.3 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ; và
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội Đồng Quản Trị

16.1 Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban.

- 16.2 Các hành động thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội Đồng Quản Trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 17.1 Họp bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán
- 17.2 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 17.3 Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người Quản Lý khác;
 - (b) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Ban Kiểm Soát; hoặc
 - (e) Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị.
- Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
- 17.4 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 17.5 Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

- 17.6 Thông báo và chương trình họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

- 17.7 Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp.
- 17.8 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều Lệ;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 17.9 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

17.10 Biểu quyết:

- (a) Trừ quy định tại Điều 17.10(b) của Quy Chế này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó nếu thành viên đó có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng hoặc giao dịch đó. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- (c) Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: Trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác, các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

17.11 Họp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- (a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- (b) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị được lấy ý kiến.
- (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của người phụ trách quản trị Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và người phụ trách quản trị Công Ty.
- (d) Khi lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị (trên 50% (năm mươi phần trăm)) trên tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- (e) Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

17.12 Những người được mời họp dự thỉnh. Tổng Giám Đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 18. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

18.1 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng

tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (b) Thời gian, địa điểm họp;
 - (c) Chương trình và nội dung họp;
 - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - (g) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 18.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 18.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- 18.4 Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 18.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể dịch ra tiếng Anh.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

- 19.1 Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:
- (a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Báo cáo tài chính;
 - (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - (d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.

19.2 Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên nếu Điều Lệ không có quy định khác.

19.3 Các báo cáo quy định tại Điều này phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

20.1 Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

20.2 Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

20.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

20.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

21.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

21.2 Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công Ty trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 22.1 Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 22.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này.
- 22.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị ban hành.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát

- 24.1 Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 24.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy Chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy Chế này.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VŨ HOÀNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Các định nghĩa	1
Điều 3.	Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm Soát	2
CHƯƠNG II.	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 4.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát	2
Điều 5.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban Kiểm Soát	2
Điều 6.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát.....	2
Điều 7.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm Soát	3
Điều 8.	Trưởng Ban Kiểm Soát.....	3
Điều 9.	Đề cử và ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát.....	4
Điều 10.	Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm Soát	4
Điều 11.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát.....	4
Điều 12.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát.....	5
CHƯƠNG III.	BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 13.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát	5
Điều 14.	Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường	7
CHƯƠNG IV.	CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 15.	Cuộc họp của Ban Kiểm Soát.....	7
Điều 16.	Biên bản họp Ban Kiểm Soát.....	7
CHƯƠNG V.	BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	8
Điều 17.	Trình báo cáo hằng năm.....	8
Điều 18.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát	8
Điều 19.	Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI.	MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 20.	Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát.....	9
Điều 21.	Mối quan hệ với Ban điều hành.....	10
Điều 22.	Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị.....	10
CHƯƠNG VII.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 23.	Hiệu lực thi hành.....	10
Điều 24.	Tổ chức thực hiện	10

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác có liên quan.
- 1.2 Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho Ban Kiểm Soát, các thành viên Ban Kiểm Soát.

Điều 2. Các định nghĩa

- 2.1 Trong Quy Chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - (a) “**Ban Kiểm Soát**” là ban kiểm soát của Công Ty.
 - (b) “**Cổ Đông**” là bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công Ty.
 - (c) “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - (d) “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” là đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
 - (e) “**Điều Lệ**” là bản điều lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021, và các văn bản sửa đổi và bổ sung (nếu có).
 - (f) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
 - (g) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
 - (h) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán và Điều 4.23 của Luật Doanh Nghiệp.
 - (i) “**Người Quản Lý**” là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các giám đốc của các bộ phận, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
 - (j) “**Quy Chế**” là quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát này.
 - (k) “**Việt Nam**” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 2.2 Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
- 2.3 Các tiêu đề (chương, điều của Quy Chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy Chế này.

2.4 “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát

- 4.1 Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ.
- 4.2 Thành viên Ban Kiểm Soát có những nghĩa vụ quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:
 - (a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - (b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
 - (c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3 Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm Soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban Kiểm Soát

- 5.1 Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty, và Người Quản Lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 5.2 Những người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm Soát.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát

- 6.1 Ban Kiểm Soát có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 6.2 Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá 05 (năm) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 6.3 Thành viên Ban Kiểm Soát không nhất thiết phải là Cổ Đông.
- 6.4 Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 6.5 Trường hợp các thành viên Ban Kiểm Soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm Soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm Soát

- 7.1 Thành viên Ban Kiểm Soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - (b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - (c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác;
 - (d) Không phải là Người Quản Lý, không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;
 - (e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.
- 7.2 Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác của pháp luật có liên quan và Điều Lệ tại từng thời điểm.

Điều 8. Trưởng Ban Kiểm Soát

- 8.1 Ban Kiểm Soát phải bầu một trong số các thành viên Ban Kiểm Soát làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 8.2 Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;
 - (b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;
 - (c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

Điều 9. Đề cử và ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát

- 9.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng được đề cử 1 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử 5 ứng viên.
- 9.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm Soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát.
- 9.3 Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát theo mẫu của Công Ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công Ty; bản sao CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công Ty và pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được gửi cho Công Ty theo thông báo liên quan.

Điều 10. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm Soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát

- 11.1 Thành viên Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;
 - (b) Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty và được chấp thuận;
 - (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - (d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- (e) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (f) Thành viên đó vi phạm nhiều lần hoặc một cách nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này; và
- (g) Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

11.2 Việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát sẽ theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm Soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

13.1 Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

13.2 Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- (b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
- (d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp;
- (e) Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

- (f) Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (g) Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (h) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;
- (i) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- (j) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (k) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với các quy định tại Điều Lệ và pháp luật;
- (l) Thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
- (m) Đề nghị Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị;
- (n) Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp;
- (o) Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
- (p) Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
- (q) Giám sát tình hình tài chính Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác trong các hoạt động;
- (r) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông;
- (s) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (u) Chứng kiến Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội Đồng Quản Trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng

văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- (v) Trường Ban Kiểm Soát điều hành đề Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- (z) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- 14.1 Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Khi số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật;
 - (b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị;
 - (c) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Quản Lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 164 và Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- 14.2 Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
- 14.3 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát

- 15.1 Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát.
- 15.2 Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban Kiểm Soát

Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên

Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

- 17.1 Kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm Soát phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên (các) báo cáo với các nội dung sau đây:
- (a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc đề trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên;
 - (b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát;
 - (c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát;
 - (d) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
 - (e) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (f) Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác;
 - (g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các Cổ Đông;
 - (h) Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.
- 17.2 Các báo cáo quy định tại Điều này phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát

- 18.1 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát.
- 18.2 Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

18.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

19.1 Thành viên Ban Kiểm Soát phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

19.2 Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công Ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

19.3 Thành viên Ban Kiểm Soát và Người Có Liên Quan của các thành viên Ban Kiểm Soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

19.4 Thành viên Ban Kiểm Soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm Soát hoặc với Người Có Liên Quan của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

19.5 Thành viên Ban Kiểm Soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát

Các thành viên Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định pháp luật và Điều Lệ. Trưởng Ban Kiểm Soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm Soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm Soát.



Điều 21. Mọi quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mọi quan hệ với Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Hội Đồng Quản Trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy Chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Ban Kiểm Soát, Ban điều hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy Chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

ĐOÀN MINH THU